

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : **7565** / TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày **25** tháng 12 năm 2018

V/v xử lý vướng mắc tại,
Thông tư số 39/2018/TT-BTC

Kính gửi: Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Trả lời vướng mắc của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố trong quá trình triển khai Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BTC và một số văn bản quy phạm pháp luật khác Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

Để có cơ sở cho các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện, Tổng cục Hải quan hướng dẫn xử lý theo bảng tổng hợp đính kèm công văn này.

Tổng cục Hải quan thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./. *me*

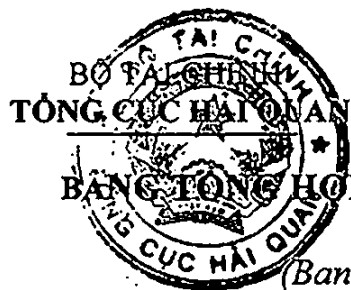
Nơi nhận:

- Như trên;
- TCT Nguyễn Văn Căn (để b/c);
- Cục GSQL, Cục KTSTQ, Cục CNTT và TKHQ;
- Lưu: VT, TXNK (03).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Thái
Nguyễn Dương Thái



BẢNG TỔNG HỢP NỘI DUNG VƯỚNG MẮC TẠI THÔNG TƯ SỐ 39/018/TT-BTC NGÀY 20/4/2018 CỦA BỘ TÀI CHÍNH VÀ CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC.

(Ban hành kèm theo công văn số 7565/TCHQ-TXNK ngày 25/12/2018 của Tổng cục Hải quan)

STT	Điều khoản	Nội dung vướng mắc	Đơn vị gửi	Trả lời
I. Vướng mắc tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính				
1.	Tiết a điểm 6 khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC về tham vấn một lần.	<p><i>"Tham vấn một lần, sử dụng kết quả tham vấn nhiều lần</i></p> <p><i>a) Điều kiện áp dụng: Thông tin, dữ liệu để kiểm tra, xác định trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đề nghị tham vấn một lần so với hàng hóa giống hệt, tương tự đã có kết quả tham vấn không thay đổi".</i></p> <p><i>Trong trường hợp, các thông tin, dữ liệu để kiểm tra, xác định trị giá hải quan đã có kết quả tham vấn không thay đổi được hiểu như thế nào?</i></p> <p><i>Đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể để áp dụng với nội dung nêu trên</i></p>	<p><i>Công văn số 2387/HQLS-GSQL ngày 04/10/2018 của Cục HQ Lạng Sơn</i></p>	<p>Về vướng mắc của đơn vị, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:</p> <p>Tổng cục Hải quan dự kiến ban hành Đề án tham vấn 1 lần, theo đó, sẽ hướng dẫn cụ thể các thông tin, dữ liệu để kiểm tra, xác định trị giá của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đề nghị tham vấn 1 lần.</p>
		<p><i>Điều kiện áp dụng tham vấn một lần, kết quả tham vấn nhiều lần: Thông tin dữ liệu kiểm tra, xác định trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đề nghị tham vấn một lần so với hàng hóa giống hệt, tương tự đã có kết quả tham vấn không thay đổi.</i></p> <p><i>Căn cứ vào điểm 6 khoản 14 Điều 1 sửa đổi Điều 25 Thông tư 39/2018/TT-BTC trường hợp</i></p>	<p><i>Cục Hải quan TP. Hà Nội</i></p>	

		<p>doanh nghiệp đủ điều kiện về thông tin, dữ liệu kiểm tra, xác định giá đối với hàng hóa giống hệt, tương tự đã được tham vấn thì sử dụng kết quả tham vấn một lần. Trường hợp không đủ thông tin và giá khai báo thay đổi dù chênh lệch nhỏ thì đề nghị tham vấn.</p> <p>Đề xuất của đơn vị: Xem xét áp dụng tham vấn một lần đối với các lô hàng ô tô, xe máy nhập khẩu nguyên chiếc có thông tin, dữ liệu giống hệt nhau.</p>		
		<p>Tiết a điểm 6 khoản khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định việc tham vấn một lần, sử dụng kết quả tham vấn nhiều lần theo đó cơ quan hải quan thông quan hàng hóa và cập nhật kết quả xác định trị giá trên Hệ thống. Tuy nhiên, tra cứu trên Hệ thống hiện tại chưa có chức năng đối với quy định này.</p> <p>Đề xuất của đơn vị: Hướng dẫn thực hiện việc cập nhật kết quả xác định trị giá đối với trường hợp tham vấn một lần, sử dụng kết quả tham vấn nhiều lần.</p>	<p><i>Công văn số 3060/HQQN-GSQL ngày 09/10/2018 của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh.</i></p>	<p>Yêu cầu đơn vị cập nhật vào Hệ thống GTT02 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả tham vấn lần đầu: cập nhật như các trường hợp tham vấn thông thường. - Đối với tờ khai áp dụng kết quả tham vấn 1 lần: <p>Trường hợp cơ quan hải quan đồng ý áp dụng kết quả tham vấn 1 lần thì cập nhật kết quả tham vấn 01 lần đề nghị cập nhật tại chức năng 1.05 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chọn “chấp nhận mức giá khai báo” đối với trường mức giá áp dụng kết quả tham vấn 1 lần là trị giá giao dịch; + Chọn “Xác định trị giá” đối với trường hợp mức giá áp dụng kết quả tham vấn 1 lần là mức giá do cơ quan hải quan xác định lại.
2.	<p>Điểm 1 khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-</p>	<p>Về kiểm tra trị giá hải quan, Thông tư chưa có quy định cụ thể các trường hợp phải kiểm tra giá. Không rõ trường hợp hàng hóa không phải nộp thuế: Hàng gia công, hàng SXKK, hàng xuất khẩu có thuế suất 0%, hàng kho ngoại quan, hàng chế xuất, hàng bán tại cửa hàng miễn thuế, hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất ... có</p>	<p><i>Công văn số 3060/HQQN-GSQL ngày 09/10/2018 của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh.</i></p>	<p>Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan đã có công văn số 4787/TCHQ-TXNK ngày 15/8/2018 (số thứ tự 2, mục II Phụ lục ban hành kèm theo công văn số 4787/TCHQ-TXNK) hướng dẫn, đề nghị đơn vị nghiên cứu thực hiện.</p>

	BTC	<p>phải kiểm tra giá hay không?</p> <p>Chưa có quy định về thời điểm kiểm tra giá đối với trường hợp hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai (doanh nghiệp sẽ khai báo chính thức sau 05 ngày kể từ ngày có giá chính thức theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 39/2015/TT-BTC.</p> <p>Đề xuất của đơn vị: Quy định cụ thể các trường hợp phải kiểm tra giá theo hướng loại trừ tờ khai không thuế; thời điểm kiểm tra giá đối với trường hợp hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai theo hướng là thời điểm doanh nghiệp khai báo giá chính thức.</p>		
3.	<p>Tiết đ.2.4 điểm 4 khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC</p>	<p><i>“Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có đủ cơ sở bác bỏ trị giá trong trường hợp sau:</i></p> <p><i>đ.2.4) ... người khai hải quan không tham gia tham vấn không có lý do chính đáng”.</i></p> <p>Tại chi cục hải quan phát sinh trường hợp doanh nghiệp không đến thực hiện quyền tham vấn đúng quy định, Chi cục thực hiện xác định lại trị giá, ấn định thuế theo quy định và lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt theo quy định. Tuy nhiên, khoản 14 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC không quy định rõ trường hợp khai sai trị giá.</p> <p>Đề xuất của đơn vị: Sửa đổi bổ sung Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018.</p>	<p><i>Công văn số 2387/HQLS-GSQL ngày 04/10/2018 của Cục HQ Lạng Sơn.</i></p>	<p>Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 về xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan đã quy định về xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định về khai thuế (tên hàng, chủng loại, số lượng, trọng lượng, chất lượng, giá, mã số hàng hóa, thuế suất...). Đề nghị đơn vị căn cứ quy định nêu trên để thực hiện.</p>
4.	<p>Tiết b.1 điểm 3 khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung</p>	<p><i>Trường hợp nghi vấn về giá khai báo và rủi ro cao về trị giá so với mức giá tham chiếu của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giống hệt, tương tự do Tổng cục Hải quan ban hành theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2015/TT-BTC, đồng thời người khai hải quan được đánh</i></p>	<p><i>Công văn số 3060/HQQN-GSQL ngày 09/10/2018 của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh.</i></p>	<p>Tại Điểm b.1.3 khoản 2 Điều 4 Quy trình ban hành kèm Quyết định số 1810/QĐ-TCHQ hướng dẫn “Công chức lập Biên bản làm việc ghi nhận nội dung làm việc giữa cơ quan hải quan và người khai hải quan”. Theo đó, Biên bản làm việc ghi</p>

	<p>Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.</p>	<p>giá phân loại doanh nghiệp không tuân thủ theo quy định cơ quan hải quan thông báo người khai hải quan bổ sung hồ sơ theo quy định tại điểm b.2 khoản 4 Điều này thông qua Hệ thống hoặc trên tờ khai hải quan xuất khẩu, tờ khai hải quan nhập khẩu (trường hợp khai hải quan trên tờ khai giấy) và cử đại diện theo pháp luật của người khai hải quan hoặc người được ủy quyền để giải trình, chứng minh trị giá khai báo trong thời hạn làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 23 Luật Hải quan.</p> <p>Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Quy trình ban hành kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-TCHQ chưa quy định cụ thể việc ghi nhận giải trình của doanh nghiệp bằng hình thức cụ thể nào.</p> <p>Đề xuất của đơn vị: Quy định cụ thể nội dung trên để thực hiện thống nhất</p>		<p>nhận nội dung giải trình của doanh nghiệp. Đề nghị đơn vị căn cứ quy định nêu trên để thực hiện.</p>
5.	<p>Tiết d điểm 4 khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.</p>	<p><i>Thời gian tiến hành tham vấn và xử lý kết quả tham vấn: Tối đa là 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan xuất khẩu, tờ khai hải quan nhập khẩu.</i></p> <p>Tuy nhiên, do đặc thù hàng rời tại Chi cục, tại thời điểm đăng ký tờ khai Doanh nghiệp khai báo giá tạm tính và đề nghị giải phóng hàng chờ giá chính thức trong thời hạn 30 ngày (thường là trong khoảng 7-10 ngày, có trường hợp lên đến 30 ngày hoặc quá 30 ngày). Khi có giá chính thức, cơ quan hải quan mới có cơ sở để xác định nghi vấn trị giá khai báo, thông báo cơ sở nghi vấn mức giá, phương pháp và thời gian tham vấn thông qua Hệ thống.</p> <p>Như vậy, nếu phát sinh trường hợp 30</p>	<p>Công văn số 3060/HQQN-GSQL ngày 09/10/2018 của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh.</p>	<p>Về vướng mắc này, Tổng cục Hải quan đã có công văn số 5914/TCHQ-TXNK ngày 09/10/2018 hướng dẫn xử lý vướng mắc tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Đề nghị đơn vị nghiên cứu, thực hiện.</p>

		<p>ngày sau khi đăng ký tờ khai mới có giá chính thức, thì việc thực hiện tham vấn tối đa 30 ngày kể từ khi đăng ký tờ khai sẽ không được đảm bảo đúng quy định.</p> <p><i>Đề xuất của đơn vị:</i> Thời gian tiến hành kiểm tra xác định trị giá, tham vấn và xử lý kết quả tham vấn đối với các lô hàng tạm giải phóng chờ giá chính thức tối đa 30 ngày kể từ ngày có giá chính thức (thay vì ngày đăng ký tờ khai). Thời điểm có giá chính thức thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan tại công văn số 3514/TCHQ-TXNK ngày 18/6/2018.</p>		
6,	<p>Tiết d điểm 4 khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC</p>	<p><i>Thời gian tiến hành tham vấn và xử lý kết quả tham vấn: Tối đa là 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan xuất khẩu, tờ khai hải quan nhập khẩu.</i></p> <p>Khoản 11 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 22 Thông tư số 38/2015/TT-BTC không quy định hủy tờ khai đối với trường hợp hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai mà doanh nghiệp không xuất trình hồ sơ cho cơ quan hải quan kiểm tra (nếu hàng hóa đến cửa khẩu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai), trường hợp doanh nghiệp không khai báo chứng từ điện tử, đến ngày thứ 31 kể từ ngày đăng ký tờ khai doanh nghiệp mới xuất trình hồ sơ giấy cho cơ quan hải quan, nếu cơ quan hải quan nghi vấn trị giá khai báo thực hiện tham vấn giá thì đã hết thời hạn tham vấn (quá 30 ngày). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC thì trường hợp nghi vấn về trị</p>	<p>Công văn số 13151/HQHP-GSQL ngày 09/10/2018 của Cục Hải quan TP. Hải Phòng</p>	<p>Trường hợp quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai, người khai hải quan chưa nộp đủ hồ sơ thì cơ quan hải quan không tổ chức tham vấn mà thực hiện ấn định thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Quản lý thuế.</p>

		<p>giá khai báo hải quan phải thực hiện tham vấn với cơ quan hải quan.</p> <p>Như vậy, chưa có quy định nào hướng dẫn thực hiện xử lý kết quả kiểm tra trị giá đối với trường hợp trên.</p> <p><i>Đề xuất của đơn vị:</i> Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện đối với trường hợp nêu trên.</p> <p>Trong thời gian chưa có hướng dẫn thực hiện, Cục Hải quan TP. Hải Phòng tiến hành tham vấn ngay cho lô hàng nêu trên.</p> <p>Đối với các trường hợp phát sinh tương tự thời gian tiến hành tham vấn và xử lý kết quả tham vấn tối đa là 10 ngày kể từ ngày cơ quan hải quan thực hiện giải phóng hàng.</p>		
7.	<p>Khoản 64 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 131 Thông tư số 38/2015/TT-BTC</p>	<p><i>Quy định trách nhiệm của người nộp thuế phải kê khai đầy đủ các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 03 Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư này gửi đến cơ quan hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.</i></p> <p>Hiện nay hệ thống chưa có chức năng này nên chưa thực hiện được.</p> <p><i>Đề xuất của đơn vị:</i> Tổng cục Hải quan sớm nâng cấp hệ thống, trong khi hệ thống chưa đáp ứng đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện thống nhất.</p>	<p>Công văn số 3060/HQQN-GSQL ngày 09/10/2018 của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh.</p>	<p>Khoản 64 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 131 Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã hướng dẫn xử lý hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử.</p> <p>Hiện nay, Tổng cục Hải quan đang tiến hành nâng cấp hệ thống để đảm bảo các chức năng cần thiết phục vụ người nộp thuế khai báo. Trong thời gian hệ thống chưa được nâng cấp đề nghị các đơn vị thực hiện tiếp nhận và xử lý hồ sơ giấy.</p>
8.	<p>Điểm b khoản 1 Điều 84 Thông tư số 38/2015/TT-BTC</p>	<p><i>Quản lý, theo dõi tờ khai hải quan tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập</i></p> <p><i>Sau khi tái xuất thương nhân thực hiện thủ tục hoàn thuế, không thu thuế nhập khẩu cho tờ khai tạm nhập theo quy định tại Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập.</i></p> <p>Theo quy định tại Điều 16 Luật Thuế XK,</p>	<p>Công văn số 3060/HQQN-GSQL ngày 09/10/2018 của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh.</p>	<p>Căn cứ quy định tại Điều 16 Luật Thuế XK, thuế NK số 107/2016/QH13 thì hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất trong thời hạn tạm nhập, tái xuất (bao gồm cả thời gian gia hạn) được tổ chức tín dụng bảo lãnh hoặc đã đặt cọc một khoản tiền tương đương số tiền thuế nhập khẩu của hàng hóa tạm nhập tái xuất.</p>

		<p>thuế NK số 107/2016/QH13 thì hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất thuộc đối tượng miễn thuế, người nộp thuế chỉ phải đặt cọc số tiền tương đương tiền thuế nhập khẩu. Sau khi tái xuất hàng hóa thì được hoàn trả tiền đặt cọc theo thủ tục hoàn thuế nộp thừa quy định tại Điều 131 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 64 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC.</p> <p><i>Đề xuất của đơn vị:</i> Bộ thủ tục không thu thuế ghi rõ hoàn thuế theo Điều 131 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 64 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC.</p>		<p>Sau khi hàng hóa tạm nhập được tái xuất người nộp thuế được hoàn trả tiền đặt cọc theo thủ tục hoàn thuế nộp thừa quy định tại Điều 131 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 64 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC.</p> <p>Như vậy, kể từ ngày 01/9/2016 (ngày Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 có hiệu lực) đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất không phát sinh nghiệp vụ không thu thuế đối với tờ khai tạm nhập.</p> <p>Đề nghị đơn vị thực hiện theo các quy định nêu trên.</p>
9.	Điều 84 Thông tư số 38/2015/TT-BTC	<p><i>Quản lý, theo dõi tờ khai hải quan tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập</i></p> <p>Chưa có quy định cụ thể về thủ tục quyết toán tờ khai tạm nhập đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất bao gồm hàng có thuế suất thuế nhập khẩu 0% (không phải đặt cọc hoặc bảo lãnh về số tiền thuế NK). Nhất là đối với trường hợp hàng tái xuất đăng ký tờ khai tái xuất tại Chi cục hải quan khác Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai tạm nhập, hải quan sẽ không biết được tờ khai tạm nhập đã được tái xuất theo tờ khai nào.</p> <p><i>Đề xuất của đơn vị:</i> Đề nghị quy định theo hướng Chi cục hải quan đăng ký tờ khai tạm nhập làm thủ tục quyết toán tờ khai tạm nhập trên cơ sở lượng hàng đã tái xuất; trường hợp tờ khai đăng ký tại Chi cục Hải quan khác thì người</p>	Công văn số 3060/HQON-GSQL ngày 09/10/2018 của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh.	<p>Đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất tại tờ khai tạm nhập có thuế suất thuế nhập khẩu 0%, người nộp thuế không phải đặt cọc, bảo lãnh về số tiền thuế nhập khẩu, Tổng cục Hải quan nhất trí với đề xuất của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh:</p> <p>Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai tạm nhập làm thủ tục quyết toán tờ khai tạm nhập trên cơ sở lượng hàng đã tái xuất.</p> <p>Trường hợp tờ khai đăng ký tại Chi cục Hải quan khác thì người nộp thuế phải cung cấp danh sách tờ khai tái xuất, số lượng hàng hóa đã thực xuất, Chi cục Hải quan tạm nhập thực hiện khai thác thông tin thực xuất trên hệ thống để theo dõi, xử lý quyết toán tờ khai tạm nhập.</p>

		nộp thuế phải cung cấp danh sách tờ khai tái xuất, lượng đã thực xuất, Chi cục Hải quan tạm nhập truy cập thông tin thực xuất trên hệ thống để đối chiếu, quyết toán tờ khai tạm nhập.		Tổng cục Hải quan sẽ nghiên cứu, xem xét bổ sung thủ tục quyết toán tờ khai tạm nhập đối với hàng hóa kinh doanh theo phương thức tạm nhập, tái xuất trong trường hợp nêu trên.
10.	Điểm 7 khoản 63 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 129 Thông tư số 38/2015/TT-BTC	<p><i>Cơ quan hải quan có thẩm quyền ban hành quyết định hoàn thuế.</i></p> <p>Quy định này về thẩm quyền còn chung chung có thể hiểu là Lãnh đạo chi Cục trong khi mâu quyết định hoàn thuế, không thu thuế số 09/QĐHT/TXNK, mẫu số 10/QĐKTT/TXNK thì thẩm quyền ban hành quyết định là thủ trưởng cơ quan hải quan.</p> <p><i>Đề xuất của đơn vị:</i> Quy định rõ thẩm quyền ban hành quyết định hoàn thuế, không thu thuế là thủ trưởng cơ quan hải quan ban hành quyết định (hoặc nêu rõ là Chi cục trưởng Chi cục Hải quan)</p>	Công văn số 1680/HQBP-NV ngày 04/10/2018 của Cục Hải quan tỉnh Bình Phước	Cơ quan hải quan thực hiện hoàn tiền thuế trong nhiều trường hợp khác nhau như: Hoàn thuế theo chính sách thuế, hoàn tiền thuế nộp thừa, hoàn tiền chậm nộp nộp thừa, hoàn tiền thuế do quyết định ấn định thuế sai quy định hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính sai quy định phải hủy. Do đó, để đảm bảo bao quát hết các trường hợp điểm 7 khoản 63 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 129 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định thẩm quyền hoàn thuế là thủ trưởng cơ quan hải quan. Đề nghị đơn vị nghiên cứu để thực hiện đúng quy định.
11.	Tiết b.2 mục 1 khoản 65 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 132 Thông tư số 38/2015/TT-BTC	<p><i>Trường hợp người nộp thuế không đề nghị bù trừ nhưng cơ quan hải quan phát hiện người nộp thuế còn nghĩa vụ phải nộp các khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, các khoản phải nộp khác bao gồm cả tiền phí, lệ phí còn nợ cơ quan hải quan thực hiện xử lý theo quy định tại điểm b.1 khoản này và thông báo cho người nộp thuế</i></p> <p>Do người nộp thuế làm thủ tục hải quan tại nhiều đơn vị trong và ngoài tỉnh nên trong trường hợp qua kiểm tra phát hiện các khoản phải nộp là tiền phí, lệ phí còn nợ tại các Chi cục khác trong cùng một cơ quan Hải quan tỉnh, thành phố hoặc tại các Cục Hải quan tỉnh, thành</p>	Công văn số 1926/HQĐNà-GSQL ngày 05/10/2018 của Cục Hải quan Đồng Nai	Trường hợp người nộp thuế có số thuế nộp thừa được hoàn, qua kiểm tra phát hiện còn các khoản phải nộp là tiền phí, lệ phí tại các Chi cục, Cục Hải quan thì Chi cục Hải quan nơi người nộp thuế có số nộp thừa được hoàn phối hợp với Chi cục Hải quan nơi người nộp thuế đang còn nợ để xác định số tiền phí, lệ phí còn nợ của người nộp thuế trước khi lập lệnh hoàn trả kiêm bù trừ theo từng đơn vị Hải quan.

		<p>phổ khác thì sẽ xử lý thuế như thế nào? Có bù trừ với các khoản nợ phát sinh trên không? Công tác phối hợp giữa các đơn vị hải quan như thế nào để đảm bảo thực hiện thống nhất,</p> <p>Đề xuất của đơn vị: hướng dẫn để thực hiện thống nhất khi hoàn thuế nộp thừa. Trước mắt đối với hồ sơ hoàn thuế phát sinh, cơ quan hải quan sẽ làm việc với người nộp thuế đề nghị cung cấp chứng từ nộp lệ phí các tờ khai còn nợ, sau đó thực hiện thủ tục hoàn thuế theo quy định.</p>		
12.	Điều 103, Điều 104, Điều 105 Thông tư số 38/2015/TT-BTC	<p><i>Điều 103: Các trường hợp miễn thuế.</i></p> <p><i>Điều 104: Đăng ký Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được miễn thuế.</i></p> <p><i>Điều 105: Hồ sơ, thủ tục miễn thuế</i></p> <p>Nội dung điều này không còn phù hợp với Luật Thuế XK, thuế NK số 107/2016/QH13 và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.</p> <p><i>Đề xuất của đơn vị: Bãi bỏ các điều này.</i></p>	Công văn số 3060/HQQN-GSQL ngày 09/10/2018 của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh.	Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan đã có công văn số 3762/TCHQ-TXNK ngày 27/6/2018, hướng dẫn các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện các quy định về miễn thuế tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC theo đó, Tổng cục Hải quan đã hướng dẫn rõ các điều, khoản không còn hiệu lực kể từ ngày 01/9/2016. <p>Đề nghị đơn vị căn cứ hướng dẫn tại công văn số 3762/TCHQ-TXNK nêu trên để thực hiện.</p>
13.	Điểm 1.90 mục 2 Phụ lục II Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018	<p><i>Không nhập số danh mục miễn thuế khi Danh mục này đang sử dụng cho tờ khai chưa thông quan/hoàn thành thủ tục hải quan.</i></p> <p>Ngày 27/9/2018, Công ty TNHH Quartzron Việt Nam khai báo làm thủ tục nhập khẩu lô hàng máy móc thiết bị tạo tài sản cố định cho dự án ưu đãi đầu tư, lô hàng có 70 mục hàng nên hệ thống tự động tách thành hai tờ khai nhánh gồm: tờ khai nhánh 1 số 102242811050/A12 và tờ khai nhánh 2 số 102242814440/A12, tuy nhiên, doanh nghiệp không thể khai báo tờ khai nhánh thứ 2, do hệ thống không cho khai báo tờ khai tiếp theo khi tờ khai cùng danh mục miễn thuế trước chưa được</p>	Cục Hải quan TP. Hải Phòng	<p>Để đảm bảo việc trừ lùi hàng hóa nhập khẩu miễn thuế chính xác theo Danh mục miễn thuế đã đăng ký, Hệ thống VNACCS thiết kế theo hướng không cho phép người khai hải quan sử dụng Danh mục miễn thuế khi Danh mục miễn thuế này đang sử dụng cho tờ khai hải quan khác chưa được thông quan. Nguyên tắc này giống như trường hợp sử dụng Danh mục miễn thuế, phiếu theo dõi trừ lùi bản giấy phải trừ lùi xong cho tờ khai hải quan này sau đó mới chuyển sang trừ lùi cho tờ khai hải quan khác.</p> <p>Đề nghị đơn vị thực hiện theo quy định và thiết kế của hệ thống VNACCS.</p>



		<p>thông quan.</p> <p>Hai tờ khai nhánh cùng một lô hàng thì không thể yêu cầu doanh nghiệp phải thông quan/hoàn thành thủ tục hải quan tờ khai nhánh thứ 1, sau đó mới truyền tờ Danh mục miễn thuế cho tờ khai nhánh số 2</p> <p>Đề xuất của đơn vị: Tổng cục Hải quan điều chỉnh lại hệ thống, cho doanh nghiệp khai báo Danh mục miễn thuế cùng một lúc cho các tờ khai nhánh của cùng một lô hàng.</p> <p>- Trong khi chờ hướng dẫn, Cục Hải quan TP Hải Phòng hướng dẫn Chi cục Hải quan cho phép doanh nghiệp không khai Danh mục miễn thuế trên hệ thống trên tờ khai nhánh 2, tiến hành theo dõi trừ lùi thủ công Danh mục miễn thuế đối với lượng hàng nhập khẩu tương ứng với tờ khai nhánh 2</p>		
14.	<p>Khoản 5 Điều 27 Mục B quy trình miễn, giảm, hoàn, không thu thuế ban hành kèm Quyết định 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018</p>	<p>Hiện nay tại đơn vị thường xuyên phát sinh trường hợp: Doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng gỗ nguyên liệu từ Campuchia (loại hình A11), thuế nhập khẩu 0%, thuế GTGT 10%, có bảo lãnh ngân hàng đối với số thuế phải nộp khi nhập khẩu. Trong thời gian bảo lãnh thuế (30 ngày), doanh nghiệp mở tờ khai tái xuất sang nước thứ ba (loại hình B13) và đề nghị không thu thuế xuất khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu đối với khối lượng gỗ thực tái xuất.</p> <p>Đối với thủ tục không thu thuế xuất khẩu: Tại tờ khai nhập khẩu có thuế nhập khẩu 0%, thuế giá trị gia tăng 10% nên việc phân loại hồ sơ không thu thuế xuất khẩu thực hiện theo <u>điểm a hay tiết a)</u> khoản 5 Điều 27 Mục B quy trình miễn, giảm, hoàn, không thu thuế ban hành kèm</p>	<p>Công văn số 1031/HQGLKT-NV ngày 04/10/2018 của Cục Hải quan Gia Lai- Kon Tum.</p>	<p><i>Về việc phân loại hồ sơ không thu thuế</i></p> <p>Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Mục B quy trình không thu thuế ban hành kèm theo Quyết định 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục Hải quan thì trường hợp người nộp thuế đề nghị không thu thuế xuất khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu nhưng tái xuất ra nước ngoài thì tờ khai lần đầu là tờ khai nhập khẩu (VD: Tờ khai mã loại hình A11). Trường hợp người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị không thu thuế nhập khẩu đối với hàng xuất khẩu nhưng phải nhập khẩu trở lại Việt Nam tờ khai lần đầu là tờ khai xuất khẩu (VD: Tờ khai mã loại hình B11).</p> <p>Tại tờ khai xuất khẩu/nhập khẩu lần đầu</p>

		<p>Quyết định 1919/QĐ-TCHQ. <i>Tại tiết a1, điểm a khoản 5 Điều 27 Quy trình 1919/QĐ-TCHQ quy định phân loại hồ sơ không thu thuế nếu trong tờ khai nhập khẩu lần đầu có phát sinh số tiền thuế đề nghị hoàn.</i> Đề xuất của đơn vị: Sau khi nghiên cứu, đơn vị còn nhiều ý kiến trái chiều đối với khái niệm “tờ khai nhập khẩu lần đầu”. Để triển khai thực hiện theo đúng quy trình, đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể khái niệm này trong trường hợp áp dụng tiết a1 nêu trên. Đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó tái xuất sang nước thứ ba trong thời hạn bảo lãnh thuế giá trị gia tăng khi nhập khẩu, cơ quan hải quan có thực hiện ra <u>quyết định không thu thuế giá trị gia tăng</u> hay không? Trường hợp ban hành quyết định không thu thì việc phân loại hồ sơ không thu thuế được thực hiện như thế nào</p>	<p>không phát sinh số tiền thuế đề nghị cơ quan hải quan hoàn thuế thuộc thẩm quyền hoàn thuế của cơ quan hải quan thì không phải thực hiện phân loại hồ sơ. Cơ quan hải quan kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế hàng hóa (trừ doanh nghiệp ưu tiên) nếu đủ cơ sở để xác định hàng hóa tái nhập là hàng đã xuất khẩu trước đây; hàng hóa xuất khẩu là hàng đã nhập khẩu trước đây, tờ khai xuất khẩu/nhập khẩu lần đầu không phát sinh số tiền thuế đề nghị cơ quan hải quan hoàn thì ban hành quyết định không thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ngay trong thông quan theo mẫu số 10/QĐKTT/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính. Đối với trường hợp tại tờ khai nhập khẩu có thuế nhập khẩu 0%; thuế GTGT 10% thì thuế GTGT 10 % phát sinh trên tờ khai nhập khẩu cơ quan thuế thực hiện hoàn thuế theo quy định tại Điều 2 Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính (Tại quy trình hoàn thuế, không thu thuế ban hành kèm theo quyết định số 1919/QĐ-TCHQ không quy định cơ quan hải quan ban hành quyết định không thu thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu trong thời hạn bảo lãnh của tổ chức tín dụng). Đối với tờ khai tái xuất cơ quan hải quan phân loại hồ sơ không thu thuế xuất khẩu thực</p>
--	--	---	--

				hiện theo <u>điểm a</u> khoản 5 Điều 27 Mục B quy trình miễn, giảm, hoàn, không thu thuế ban hành kèm Quyết định 1919/QĐ-TCHQ.
15.	Điều 114 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính	Hàng hóa nhập khẩu sản xuất xuất khẩu trước đây thuộc đối tượng hoàn thuế nhập khẩu theo Điều 114, Thông tư 38/2015/TT-BTC. Tuy nhiên, Thông tư 39/2018/TT-BTC đã bãi bỏ Điều 114 và theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP thì hàng hóa nhập sản xuất xuất khẩu được miễn thuế từ ngày 01/9/2016. Như vậy, đối với các trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa để sản xuất xuất khẩu đã nộp thuế nhập khẩu trước ngày Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu và Nghị định 134/2016/NĐ-CP có hiệu lực (01/9/2016), đã xuất khẩu sản phẩm và nay xin hoàn thuế nhập khẩu trước ngày 05/6/2018, Chi cục Hải quan Vĩnh Phúc thực hiện hoàn thuế theo Thông tư 38/2015/TT-BTC. Hiện tại, thực hiện theo Thông tư 39/2018/TT-BTC thì không có căn cứ hoàn thuế nhập khẩu đối với trường hợp này.	Cục Hải quan TP. Hà Nội	Vướng mắc của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố về hồ sơ hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu đã nộp thuế nhập khẩu trước ngày 01/9/2016 (ngày Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP có hiệu lực), Tổng cục Hải quan đã có công văn số 6948/TCHQ-TXNK ngày 26/11/2018 hướng dẫn thực hiện
II. Các nội dung vướng mắc khác				
16.	Công văn số 2674/TCHQ-TXNK ngày 16/5/2018 của Tổng cục Hải quan	Doanh nghiệp nộp thuế 24/7, doanh nghiệp nộp tiền qua các chi nhánh ngân hàng phối hợp thu nhưng hệ thống bị lỗi, không nhận được thông tin giấy nộp tiền, ảnh hưởng đến thời gian thông quan của doanh nghiệp. Tại công văn số 2674/TCHQ-TXNK ngày 16/5/2018 của Tổng cục Hải quan hướng dẫn không cho phép căn cứ Giấy nộp tiền do doanh nghiệp xuất trình và sử dụng chứng năng J trên hệ thống kế toán. Đề xuất của đơn vị: Cho phép cán bộ công	Công văn số 3060/HQQN-GSQL ngày 09/10/2018 của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh.	Cơ quan Hải quan chỉ căn cứ trên thông tin do ngân hàng gửi qua Email có gắn chữ ký số để xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế bằng chức năng J; Đến nay đã có 06 ngân hàng thương mại cung cấp chữ ký để sử dụng gắn vào email nộp tiền gồm (WooiBank, BangkokBank, IndovinaBank, VietinBank, TechcomBank, MizuhoBank). Hiện nay, Tổng cục Hải quan đã có công văn số 8838/TXNK-DTQLT ngày

		chức căn cứ Giấy nộp tiền do doanh nghiệp xuất trình để thực hiện chức năng J trên hệ thống kế toán thuế tập trung.		20/12/2018 yêu cầu các ngân hàng khẩn trương cung cấp chữ ký số để chuyển thông tin nộp tiền theo đúng quy định.
17.	Đề án nộp thuế 24/7	Thực hiện Đề án nộp thuế 24/7 một số doanh nghiệp đã đăng ký tham gia, tuy nhiên, một số trường hợp doanh nghiệp đã nộp 24/7 tài khoản đã bị trừ tiền nhưng qua tra cứu hệ thống Kế toán thuế tập trung chưa thấy tiền vào tài khoản thu ngân sách, doanh nghiệp không có giấy nộp tiền để chứng minh, công chức cũng không thể tra cứu được quá trình luân chuyển tiền thuế, ngân hàng cũng không gửi email thông báo lỗi hệ thống theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan. <i>Đề xuất của đơn vị:</i> Nâng cấp hệ thống nộp thuế 24/7.	<i>Công văn số 3060/HQQN-GSQL ngày 09/10/2018 của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh.</i>	Tổng cục Hải quan hiện đã nâng cấp chương trình nộp thuế điện tử 24/7 từ ngày 10/12/2018 cho người nộp thuế; Các báo cáo hỗ trợ cho công chức hải quan theo dõi kiểm soát việc nộp thuế điện tử 24/7 tại hệ thống KTTT, Tổng cục Hải quan (Cục CNTT & TKHQ) sẽ cập nhật bổ sung một số chức năng theo dõi, báo cáo vào hệ thống KTTT cùng với thời điểm nâng cấp hệ thống KTTT đáp ứng Thông tư 112/2018/TT-BTC, để các đơn vị chủ động khai thác, theo dõi quản lý doanh nghiệp nộp tiền qua kênh điện tử 24/7.
18.	Điều 23 Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018	Đối với các tờ khai đã được xác định nộp thừa tiền thuế và doanh nghiệp đang làm thủ tục hoàn thuế đồng thời bù trừ thuế sang tờ khai tiếp theo, căn cứ Điều 23 Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ thì phải ban hành quyết định hoàn thuế và sau đó lập chứng từ điều chỉnh mẫu C1-07a/NS để điều chỉnh khoản hoàn trả với khoản nộp, đồng thời lập lệnh hoàn trả kiêm bù trừ từ NSNN theo mẫu C1-05/NS theo quy định tại Thông tư 77/2017/TT-BTC gửi Kho bạc Nhà nước. Việc này sẽ rất mất thời gian (ít nhất 02 ngày làm việc) kể từ khi tiếp nhận công văn xin bù trừ của doanh nghiệp, làm chậm quá trình thông quan tờ khai tiếp theo, đặc biệt là trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu thông quan cho các tờ khai tiếp theo, đặc biệt là trường hợp doanh nghiệp có	<i>Công văn số 1162/HQQNg-NV ngày 12/10/2018 của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi,</i>	Khi cơ quan hải quan nhận được yêu cầu bù trừ của doanh nghiệp và xác định được số tiền thuế nộp thừa bù trừ cho tờ khai tiếp theo thì công chức Hải quan thực hiện ra quyết định hoàn thuế và lập lệnh hoàn trả kiêm bù trừ hoặc sử dụng chứng từ điều chỉnh C1-07a theo quy định tại Điều 23 Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ. Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, căn cứ vào chứng từ điều chỉnh hoặc lệnh hoàn trả kiêm bù trừ, công chức hải quan báo cáo lãnh đạo Chi cục phê duyệt sử dụng chức năng J trên hệ thống KTTT xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế thông quan cho tờ khai đề nghị bù trừ tiền thuế, tại trường diễn giải đề nghị ghi rõ nội dung sử dụng

		<p>nhu cầu thông quan cho các tờ khai tiếp theo vào ngày cuối tuần, nếu đợi chứng từ của Kho bạc Nhà nước thì phải tuần tiếp theo mới thông quan được tờ khai hoặc muốn thông quan tờ khai thì doanh nghiệp phải nộp thuế một lần nữa.</p> <p><i>Đề xuất của đơn vị:</i> Khi cơ quan hải quan nhận được yêu cầu bù trừ của doanh nghiệp và đã xác định được số tiền thuế nộp thừa đủ bù trừ cho tờ khai tiếp theo thì công chức Hải quan phải thực hiện theo quy định tại Điều 23 Quyết định 1919/QĐ-TCHQ. Đồng thời, để kịp thời thông quan tờ khai tiếp theo, công chức sử dụng nghiệp vụ chức năng J trên Hệ thống KTTT xác nhận nghĩa vụ hoàn thuế thông quan cho tờ khai.</p>		<p>chứng từ trên làm căn cứ xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế cho doanh nghiệp.</p>
19.	<p>Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ</p>	<p>Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định: <i>Phế liệu, phế phẩm và nguyên liệu, vật tư dư thừa đã nhập khẩu để gia công không quá 3% tổng lượng từng nguyên liệu, vật tư thực nhập theo hợp đồng gia công được miễn thuế nhập khẩu khi tiêu thụ nội địa nhưng phải kê khai nộp thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế BVMT nếu có cho cơ quan hải quan.</i></p> <p>Liên quan đến Điều 64 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính: <i>Đối với nguyên liệu, vật tư dư thừa đã nhập khẩu để gia công không quá 3% tổng lượng nguyên liệu, vật tư thực nhập khẩu thì khi bán, tiêu thụ nội địa không phải làm thủ tục hải quan chuyển mục đích sử dụng nhưng phải kê khai nộp thuế với cơ quan thuế nội địa theo quy định của pháp luật về thuế.</i></p> <p><i>Đề xuất của đơn vị:</i> Hướng dẫn trường hợp phế liệu, phế phẩm khi chuyển tiêu thụ nội địa</p>	<p>Công văn số 1399/HQTH-NV ngày 04/10/2018 Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Công văn số 2178/HQĐN-AGSQL ngày 06/11/2018 của Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>a) Từ ngày 01/9/2016 đến trước ngày 05/6/2018:</p> <p>Theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP thì <i>phế liệu, phế phẩm và nguyên liệu, vật tư dư thừa đã nhập khẩu để gia công không quá 3% tổng lượng từng nguyên liệu, vật tư thực nhập theo hợp đồng gia công được miễn thuế nhập khẩu khi tiêu thụ nội địa nhưng phải kê khai nộp thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế BVMT (nếu có) cho cơ quan hải quan.</i></p> <p>Theo quy định nêu trên thì phế liệu, phế phẩm và nguyên liệu, vật tư dư thừa đã nhập khẩu để gia công không quá 3% tổng lượng từng nguyên liệu, vật tư thực nhập theo hợp đồng gia công chuyển tiêu thụ nội địa thì được miễn thuế</p>



		<p>đều được miễn thuế nhập khẩu hay phải đáp ứng điều kiện không quá 3% tổng lượng từng nguyên liệu, vật tư thực nhập theo hợp đồng gia công mới được miễn thuế nhập khẩu.</p> <p>Các thức kê khai nộp thuế cho phế liệu, phế phẩm của hợp đồng gia công chuyển tiêu thị nội địa.</p>	<p>nhập khẩu nhưng phải kê khai nộp thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế BVMT (nếu có) cho cơ quan hải quan.</p> <p>Về thủ tục kê khai: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP; Điều 21 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, theo đó, doanh nghiệp phải kê khai đối với phế liệu, phế phẩm trên tờ khai hải quan mới như đối với hàng hóa thay đổi mục đích sử dụng. Trị giá tính thuế được xác định theo giá thực tế mua bán phù hợp với phương pháp xác định trị giá hải quan quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư 39/2018/TT-BTC (Tổng cục Hải quan đã có công văn số 2349/TCHQ-TXNK hướng dẫn thực hiện). Việc quy đổi từ phế liệu, phế phẩm thành nguyên liệu, vật tư được xác định bằng cách lấy trị giá thực tế của phế liệu, phế phẩm bán ra chia cho đơn giá của từng nguyên liệu, vật tư tại tờ khai nhập khẩu lần đầu để xác định số lượng nguyên liệu, vật tư khai trên tờ khai thay đổi mục đích sử dụng. Trường hợp phế liệu, phế phẩm doanh nghiệp đã kê khai nộp thuế với cơ quan thuế nội địa (như trước ngày 01/9/2016) thì không phải kê khai, điều chỉnh lại (Bộ Tài chính đã có công văn số 14475/BTC-TCHQ ngày 26/10/2017 hướng dẫn thực hiện).</p>
--	--	---	---



				<p>b) Từ ngày 05/6/2018 đến nay:</p> <p>Việc xử lý thuế đối với phế liệu, phế phẩm được xác định trên cơ sở định mức thực tế sản xuất của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC.</p> <p>Thủ tục kê khai: Doanh nghiệp thực hiện kê khai, nộp thuế theo từng lần (trước khi xuất hóa đơn bán tiêu thụ nội địa) hoặc khai theo tháng và gửi đến cơ quan hải quan thông qua Hệ thống theo chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 04 Phụ lục IIa ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Trường hợp thực hiện trên hồ sơ giấy, doanh nghiệp khai theo mẫu số 06/BKKT/TKNK Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Cơ quan hải quan cấp sổ cho bảng kê như đối với trường hợp tờ khai giấy và mở sổ theo dõi riêng đối với bảng kê. Thời hạn nộp thuế đối với phế liệu, phế phẩm là thời điểm kê khai với cơ quan hải quan.</p> <p>Phế liệu, phế phẩm của hợp đồng gia công khi tiêu hủy đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 Nghị định 134/2016/NĐ-CP thì được miễn thuế nhập khẩu.</p>
--	--	--	--	--



<p>20.</p>	<p>Chính sách thuế đối với trường hợp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất xuất khẩu sau đó thuê gia công lại một số công đoạn theo quy định tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC và công văn hướng dẫn số 4787/TCHQ-TXNK ngày 15/8/2018</p>	<p>Doanh nghiệp nhập hàng hóa để sản xuất xuất khẩu, doanh nghiệp không trực tiếp sản xuất mà thuê công ty con (hoặc công ty liên kết) gia công lại sản phẩm sau đó nhận lại thành phẩm để xuất khẩu theo loại hình sản xuất – xuất khẩu.</p> <p>Liên quan đến nội dung vướng mắc trên, Tổng cục Hải quan đã có công văn số 4787/TCHQ-TXNK ngày 15/8/2018 về việc xử lý vướng mắc tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP và Thông tư số 39/2018/TT-BTC, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thông báo cho các doanh nghiệp để quán triệt thực hiện theo đúng quy định của Tổng cục Hải quan.</p> <p>Tuy nhiên, từ ngày 01/9/2016 Luật Thuế XK, thuế NK số 107/2016/QH13 có hiệu lực do chưa nắm rõ quy định về điều kiện miễn thuế, hoàn thuế doanh nghiệp vẫn nhập khẩu nguyên liệu, vật tư theo loại hình SX-XK sau đó thuê gia công và nhận lại sản phẩm để xuất khẩu.</p> <p>Qua kiểm tra báo cáo quyết toán, Chi cục Hải quan có đủ cơ sở xác định nguyên liệu, vật tư nhập khẩu của doanh nghiệp mặc dù thuê gia công lại nhưng đã đưa vào sản xuất sản phẩm xuất khẩu và thực tế đã xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>Đối với hàng hóa nhập khẩu khác không phải loại hình sản xuất – xuất khẩu hàng hóa nhập khẩu nếu sau đó tái xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam sẽ được Hải quan hoàn thuế nhập khẩu (đã nộp) theo quy định. Trong trường hợp này, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu sản xuất sản phẩm đã thực xuất khẩu, không để lại tiêu thụ trong</p>	<p>Công văn số 2533/HQHCM-TXNK ngày 19/9/2018, 3022/HQHCM-TXNK ngày 24/10/2018, mục 1 công văn số 3578/HQHXM-TXNK ngày 05/12/2018 của Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh.</p>	<p>Vướng mắc của các doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa để sản xuất xuất khẩu nhưng doanh nghiệp không trực tiếp sản xuất mà thuê gia công lại sản phẩm sau đó nhận lại thành phẩm để xuất khẩu theo loại hình sản xuất xuất khẩu đã được Tổng cục Hải quan báo cáo Bộ Tài chính xem xét sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.</p> <p>Trước mắt đề nghị đơn vị thực hiện đúng quy định tại Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện trong đó có công văn số 4787/TCHQ-TXNK ngày 15/8/2018 của Tổng cục Hải quan.</p>
------------	---	---	---	--

		<p>nước, nếu không thuộc đối tượng miễn thuế phải nộp thuế thì căn cứ nào để thu thuế vì thực tế hàng hóa không để lại tiêu thụ tại thị trường Việt Nam, Doanh nghiệp chứng minh đầy đủ hồ sơ, chứng từ, tài liệu hàng hóa đã sản xuất và đã xuất khẩu, như vậy sẽ hạn chế khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế, chưa khuyến khích sản xuất – xuất khẩu. Doanh nghiệp bị truy thu thuế sẽ gặp khó khăn để duy trì hoạt động sản xuất xuất khẩu, có thể dẫn đến khiếu nại, khiếu kiện.</p> <p>Đề xuất của đơn vị: Đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện.</p>		
21.	<p>Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ.</p>	<p>Vướng mắc về việc miễn thuế, hoàn thuế hàng nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, hàng gia công theo loại hình xuất khẩu tại chỗ.</p> <p>Vấn đề xử lý hoàn thuế, miễn thuế đối với loại hình xuất khẩu tại chỗ đã được đưa vào nội dung dự thảo sửa đổi Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.</p> <p>Tuy nhiên, đối với việc xử lý đối với các trường hợp phát sinh từ ngày 01/9/2016 đến nay vẫn chưa được hướng dẫn xử lý thống nhất trong toàn ngành, dẫn đến khó khăn vướng mắc.</p> <p>Đề xuất của đơn vị: Loại hình xuất khẩu tại chỗ được áp dụng như đối với hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan.</p>	<p><i>Cục Hải quan tỉnh Bình Dương</i></p>	<p><i>a) Về miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu nhưng xuất khẩu tại chỗ giữa 02 doanh nghiệp trong nước:</i></p> <p>Các trường hợp miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công quy định tại Điều 10, hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu quy định tại Điều 12 Nghị định 134/2016/NĐ-CP nhưng xuất khẩu tại chỗ (không xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan) phát sinh từ ngày 01/9/2016 đến nay, Bộ Tài chính đang tập hợp vướng mắc của các đơn vị để xem xét, báo cáo Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Ngoài ra, TCHQ đang phối hợp với đơn vị chủ trì để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 134/2016/NĐ-CP theo hướng đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.</p> <p><i>b) Về hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để</i></p>



				<p>sản xuất kinh doanh nhưng đưa vào sản xuất hàng xuất khẩu nhưng xuất nhập khẩu tại chỗ giữa 02 doanh nghiệp trong nước:</p> <p>Đối với hàng nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh, sau đó đưa vào sản xuất hàng xuất khẩu đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan được hoàn thuế đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đã được sử dụng để sản xuất sản phẩm đã xuất khẩu theo Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.</p> <p>Trường hợp sản phẩm xuất nhập khẩu tại chỗ giữa 02 doanh nghiệp trong nước thì không đủ điều kiện hoàn thuế đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu.</p>
22.	Thu thuế bảo vệ môi trường	<p>Nghị định 67/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011, Thông tư 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011, Thông tư 159/2012/TT-BTC ngày 28/09/2012 có quy định “Đối với nhiên liệu hỗn hợp chứa nhiên liệu sinh học và xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hóa thạch chỉ tính thu thuế bảo vệ môi trường đối với phần xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hóa thạch”.</p> <p>Thông tư 159/2012/TT-BTC ngày 28/09/2012 sửa đổi Thông tư 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 quy định đối với hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu theo loại hình gia công thì không thuộc đối tượng thu thuế bảo vệ môi trường mà chỉ thực hiện thu thuế bảo vệ môi trường đối với doanh nghiệp thực hiện loại hình nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.</p> <p>Vướng mắc về truy thu thuế bảo vệ môi trường đối với các chế phẩm, các chất phụ gia</p>	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương	<p>1. Liên quan đến đối tượng chịu thuế thuế BVMT đối với mặt hàng dầu xử lý (tên gọi khác là (dầu trắng, dầu khoáng, dầu hóa dẻo, dầu parafin...) mã số HS 27101920, HS 27101943: Tổng cục Hải quan đã có công văn số 258/TXNK-CST ngày 29/8/2018 chuyển các vướng mắc của một số Cục Hải quan địa phương, doanh nghiệp, báo chí phản ánh đến Vụ Chính sách Thuế để tổng hợp, báo cáo Bộ có văn bản hướng dẫn chung. Ngày 12/11/2018, Bộ Tài chính đã có công văn số 13859/BTC-CST trao đổi ý kiến với các Bộ/Ngành có liên quan. Ngoài ra, Tổng cục Hải quan đã có công văn số 5663/TXNK-CST ngày 25/9/2018 thông báo với một số Cục Hải quan địa phương phát sinh vướng mắc về vấn đề này.</p> <p>2. Về việc xem xét sửa đổi Thông tư 159/2012/TT-BTC ngày 28/9/2012 để áp dụng công bằng về thu thuế BVMT đối với hàng gia</p>



		<p>nhóm 2710 có thành phần dầu mỏ doanh nghiệp nhập khẩu làm phụ gia sản xuất mà không sử dụng làm chất đốt.</p> <p>Phân biệt thu thuế bảo vệ môi trường với 2 loại hình gia công và sản xuất xuất khẩu.</p> <p>- Đề xuất của đơn vị: Hướng dẫn chung thống nhất toàn ngành đối với việc truy thu thuế bảo vệ môi trường mặt hàng chế phẩm có nguồn gốc từ dầu mỏ nhóm 2710.</p> <p>Xem xét sửa đổi thông tư 159/2012/TT-BTC ngày 28/09/2012 để áp dụng công bằng về thu thuế bảo vệ môi trường đối với hàng gia công và sản xuất xuất khẩu.</p>		<p>công và hàng SXKK: Tổng cục Hải quan đã có công văn số 15/TXNK-CST ngày 16/01/2017, số 258/TXNK-CST ngày 29/8/2018 (kèm theo) tham gia ý kiến với Vụ CST sửa đổi, bổ sung quy định về chính sách thuế BVMT đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu trong tự trường hợp nguyên liệu nhập khẩu để gia công.</p>
23.	<p>Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ.</p>	<p>Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 122/2016/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế NK ngoài hạn ngạch thuế quan đã được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ thì các nhóm mặt hàng, mặt hàng có tên và được thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng quy định tại Chương 98 nếu đủ điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo quy định hiện hành thì được lựa chọn áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu riêng quy định tại các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt hoặc thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng quy định tại Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.</p> <p>Theo quy định tại điểm a khoản 3.2 mục I Chương 98 thì việc áp dụng mức thuế suất thuế NK ưu đãi riêng cho các nhóm mặt hàng thuộc</p>	<p>Công văn số 3060/HQQN-GSQL ngày 09/10/2018 của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh.</p>	<p>Căn cứ điểm 3.2 khoản 3 phần I mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ thì các nhóm mặt hàng thuộc nhóm 98.01, 98.03, 98.04, 98.08, 98.10, 98.11, 98.12, 98.16, 98.25 đến 98.30, 98.32, 98.33, 98.35 đến 98.39, 98.41, 98.45, 98.46, 98.47, 98.48, 98.50 không được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định cho mặt hàng, nhóm hàng đó tại 97 Chương Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi mà phải áp dụng thuế suất tại Chương 98.</p> <p>Căn cứ khoản 3 Điều 1 Nghị định số 125/2017/NĐ-CP thì các nhóm mặt hàng, mặt hàng có tên và được thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng quy định tại Chương 98 nếu đủ điều kiện áp dụng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo quy định hiện hành thì được lựa chọn áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi</p>



		<p>nhóm 98.01, 98.04, 98.08, 98.10, 98.11, 98.12, 98.16, 98.25, đến 98.30, đến 98.32, 98.33, 98.35 đến 98.39, 98.41, 98.45, 98.46, 98.47, 98.48, 98.50 phải theo đúng mô tả hàng hóa quy định tại danh mục biểu thuế nhập khẩu ghi tại mục II Chương 98 và chú giải nhóm quy định tại khoản 2 mục I Chương 98, không áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định cho mặt hàng, nhóm hàng đó tại 97 Chương thuộc mục I phụ lục II.</p> <p>Như vậy, các nhóm mặt hàng thuộc nhóm 98.01, 98.04, 98.08, 98.10, 98.11, 98.12, 98.16, 98.25, đến 98.30, đến 98.32, 98.33, 98.35 đến 98.39, 98.41, 98.45, 98.46, 98.47, 98.48, 98.50 thì doanh nghiệp có được lựa chọn áp dụng mức thuế nhập khẩu quy định tại Chương 98 hoặc áp dụng mức thuế nhập khẩu quy định tại 97 Chương thuộc mục I phụ lục II.</p> <p><i>Đề xuất của đơn vị:</i> Sửa đổi Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 để thực hiện thống nhất.</p>		<p>đặc biệt quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt hoặc thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng quy định tại Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.</p> <p>Quy định trên đã rõ, đề nghị Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh nghiên cứu kỹ để thực hiện đúng quy định.</p>
24.	<p>Điểm a khoản 3 Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ.</p>	<p>Hiện nay, khi doanh nghiệp thực hiện khai tờ khai nhập nguyên liệu gia công cho đối tác nước ngoài vướng mắc trong khai báo Biểu thuế nhập khẩu tương ứng theo hướng dẫn tại điểm 1.80, Chi tiêu thông tin “Mã biểu thuế nhập khẩu” Phụ lục I thay thế Phụ lục II Thông tư 38/2015/TT-BTC hướng dẫn khai báo “Đối với hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế, không được khai mã Biểu thuế nhập khẩu là B30 mà phải lựa chọn mã Biểu thuế tương ứng với loại thuế suất nhập khẩu nêu trên”.</p> <p>Tuy nhiên, tại điểm a khoản 3 Điều 31 Nghị</p>	<p>Công văn số 1477/HQĐT-NV ngày 04/10/2018 của Cục Hải quan tỉnh Đồng Tháp.</p>	<p>Theo quy định tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì:</p> <p>1. B30: Mã biểu thuế áp dụng cho đối tượng không chịu thuế nhập khẩu;</p> <p>Khi doanh nghiệp khai mã biểu thuế B30 thì chi tiêu “Thuế suất” không cần khai.</p> <p>Tại STT1.80 – chi tiêu thông tin “Mã biểu thuế nhập khẩu” Phụ lục I Thông tư số 39/2018/TT-BTC thay thế Phụ lục II Thông tư số 38/2015/TT-</p>



định số 134/2016/NĐ-CP có quy định thủ tục miễn thuế: “Người nộp thuế tự xác định, khai hàng hóa và số tiền thuế được miễn thuế (trừ việc kê khai số tiền thuế phải nộp đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để gia công do bên thuê gia công cung cấp) trên tờ khai hải quan khi làm thủ tục hải quan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai báo”.

Như vậy, Phụ lục I Thông tư số 39/2018/TT-BTC thay thế Phụ lục II Thông tư 38/2015/TT-BTC hướng dẫn khai báo Biểu thuế nhập khẩu nhập nguyên liệu gia công cho đối tác nước ngoài chưa phù hợp tại điểm a khoản 3 Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

Đề xuất của đơn vị: Đề phù hợp Điểm a khoản 3 Điều 31 Nghị định 134/2016/NĐ-CP, đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm 1.80 Chi tiêu thông tin khai báo “Mã biểu thuế nhập khẩu” Phụ lục I Thông tư số 39/2018/TT-BTC thay thế Phụ lục II Thông tư 38/2015/TT-BTC như sau:

Đối với hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế (trừ hàng hóa nhập nguyên liệu gia công cho đối tác nước ngoài), không được khai mã Biểu thuế nhập khẩu là B30 mà phải lựa chọn mã Biểu thuế tương ứng với loại thuế suất nhập khẩu nêu trên.

BTC hướng dẫn khai báo “Đối với hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế, không được khai mã Biểu thuế nhập khẩu là B30 mà phải lựa chọn mã Biểu thuế tương ứng với loại thuế suất nhập khẩu nêu trên”.

2. Đối với hàng hóa để gia công cho thương nhân nước ngoài: Tại **BẢNG MÃ MIỄN THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU DÙNG TRONG VNACCS** có hướng dẫn về khai mã miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu như sau: “Sử dụng mã không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (vì theo quy định hàng hóa xuất nhập khẩu theo loại hình gia công thuộc đối tượng không phải tính thuế)” đối với nhóm hàng hóa là: Hàng nhập khẩu để gia công cho phía nước ngoài; Sản phẩm gia công xuất trả cho phía nước ngoài; Hàng xuất khẩu để gia công cho phía Việt Nam; Sản phẩm gia công nhập trả phía Việt Nam.

Tại **BẢNG MÃ ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU DÙNG TRONG VNACCS** có hướng dẫn khai mã đối tượng không chịu thuế như sau:

Mã dùng trong VNACCS	Nhóm hàng hóa
XNG81	Hàng NK để gia công cho nước ngoài (đối tượng miễn thuế NK)
XNG82	Sản phẩm gia công xuất trả



					cho phía nước ngoài (đối tượng miễn thuế XK)
					XNG83 Hàng XK để gia công cho Việt Nam (đối tượng miễn thuế XK)
					XNG84 Sản phẩm gia công nhập trả Việt Nam (đối tượng miễn thuế NK)
				<p>Tiếp thu ý kiến của Cục Hải quan tỉnh Đồng Tháp, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:</p> <p>Theo BẢNG MÃ MIỄN THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU DÙNG TRONG VNACCS có hướng dẫn đối với nhóm hàng hóa là hàng hóa nhập khẩu/xuất khẩu để gia công, sản phẩm gia công xuất trả/nhập trả thì sử dụng mã không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.</p> <p>Đối với hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế (trừ hàng hóa nhập nguyên liệu gia công cho đối tác nước ngoài), không được khai mã Biểu thuế nhập khẩu là B30 mà phải lựa chọn mã Biểu thuế tương ứng với loại thuế suất nhập khẩu nêu trên.</p>	
25.	Khoản 2a1 Điều 3 Quyết định số 1921/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018	<p>Về việc ban hành Quy trình phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</p> <p>Cập nhật kết quả tại ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý” trên Hệ thống MHS báo lỗi.</p> <p>Đề xuất của đơn vị: Nâng cấp hệ thống MHS</p>	Công văn số 3060/HQQN-GSQL ngày 09/10/2018 của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh.	<p>Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan đã có công văn số 1683/CNTT-PTUD ngày 19/11/2018 gửi Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh trả lời về nội dung này. Theo đó, Cục Công nghệ thông tin và thống kê Hải quan đã khắc phục xử lý vướng mắc trên, hiện tại Hệ thống MHS hoạt động bình thường.</p>	

